

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HS-PT

Ngày: 25-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đăng Huy**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**

Ông **Nguyễn Minh Tân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà **Phạm Thị Yến**
- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2019/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Lương Văn M và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 117/2018/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lương Văn M, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Con ông Lương Văn T và bà Trần Thị N; Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ 5; Vợ là Nguyễn Thị V (đã ly hôn năm 1993); Bị cáo có bốn con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện K từ ngày 26/4/2018 đến ngày 28/4/2018, hiện tại ngoại. (Vắng mặt)

2. Nguyễn Đức A, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Đức N và bà Nguyễn Thị Đ; Gia đình có 6 anh chị em, bị cáo là con thứ 6; Vợ là Lưu Thị M (đã ly hôn năm 2015); Bị cáo có hai con; Tiền sự: Không; Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án - Tại bản án số 53/2008/HS-ST ngày 25/12/2008, Nguyễn Đức A bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản. Ngày 01/12/2015, A chấp hành xong hình phạt; Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện K từ ngày 26/4/2018 đến ngày 28/4/2018, hiện tại ngoại. (Vắng mặt)

3. Trần Văn T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị N; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ là Đào Thị P; Bị cáo có ba con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện M từ ngày 26/4/2018 đến ngày 28/4/2018, hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Anh **Trần Văn S**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 26/4/2018, Lương Văn M, Nguyễn Đức A, Trần Văn N, Nguyễn Văn C, Bùi Văn B, Trần Văn T và Nguyễn Lý H đến chơi ở hội đình thôn X, xã T, huyện M. Sau đó, M đi về nhà tại thôn X. Một lúc sau thì B, A, N và một số người lần lượt vào nhà M ngồi uống nước. Khoảng 21 giờ cùng ngày, trong lúc ngồi chơi nói chuyện, mọi người cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. M đi vào nhà bếp lấy 01 chiếc bát và 01 chiếc đĩa bằng sứ đem ra để xuống dưới chiếc chiếu tre trải sẵn ở nền nhà. A lấy 04 quân bài hình tròn không biết người nào cắt từ vỏ bao thuốc lá để trên bàn uống nước cho vào đĩa, úp bát lên xóc (gọi là xóc cái) cho M, N, B tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa ăn tiền theo hai cửa chẵn và lẻ, khi mở bát ra mà có 02 quân bài hoặc 04 quân bài cùng màu thì gọi là chẵn, nếu có 01 hoặc 03 quân bài cùng màu thì gọi là lẻ, quy định mỗi ván người chơi đánh thấp nhất là 50.000 đồng, không quy định mức đặt cao nhất là bao nhiêu tiền, người tham gia đánh bạc tùy ý đặt tiền ở bên nào cũng được, nếu mở bát ra mà chẵn thì người đặt tiền bên chẵn sẽ được bạc, đặt tiền bên lẻ sẽ bị thua và ngược lại. Tỷ lệ được, thua là 1/1: Nếu người đặt cửa thắng thì được lấy lại số tiền đã đặt và được người xóc cái trả số tiền bằng số tiền mà người thắng đã đặt ván đó, nếu người đặt cửa bị thua thì bị mất số tiền họ đã đặt cho người xóc cái. Khi A, M, B và N ngồi xuống chiếu bắt đầu đánh bạc thì C đến nhà M rồi tham gia đánh bạc cùng mọi người. Trong khi đánh bạc, M thu của A, B, N và C mỗi người 50.000 đồng. Khoảng gần 22 giờ cùng ngày, H và T lần lượt đến nhà M chơi, thấy mọi người đang đánh bạc, H và T cũng vào tham gia đánh bạc cùng. Sau đó, do A thấy mình xóc cái bị thua nhiều lên chuyển cho N xóc cái, còn A tiếp tục đặt tiền đánh bạc. Hồi 23 giờ cùng ngày, khi N đang xóc cái cho mọi người tham gia đánh bạc thì bị Tổ công tác thuộc Công an huyện M phối hợp với công an xã T phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.800.000 đồng, 01 chiếc chiếu tre, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài hình tròn được làm từ vỏ bao thuốc lá, 01 chiếc kéo. Kiểm tra trong người thu của M số

tiền 1.450.000 đồng, thu của A số tiền 3.500.000 đồng, thu của N số tiền 3.000.000 đồng, thu của T 4.750.000 đồng, thu của B số tiền 5.200.000 đồng, thu của C số tiền 3.000.000 đồng, thu của H số tiền 600.000 đồng.

Quá trình điều tra, A khai có 4.050.000 đồng, N khai có 3.040.000 đồng, T khai có 14.000.000 đồng, C khai có 2.000.000 đồng, H khai có 600.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, số tiền bị lực lượng Công an thu trong người là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc và do đánh bạc mà có; M khai có 1.400.000 đồng sử dụng đánh bạc, số tiền hồ 200.000 đồng thu được, M cũng sử dụng đánh bạc; B khai có 800.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, số tiền 5.200.000 đồng bị Công an thu giữ trong người là tiền của anh Bùi Văn Đ- sinh năm 1968 (là anh ruột của B), ở địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện M nhờ B mua điện thoại di động hộ, B xác định không sử dụng vào việc đánh bạc.

Tại bản án sơ thẩm số 117/2018/HSST ngày 20 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện M:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm c khoản 1 Điều 322, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo M: Xử phạt Lương Văn M 08 tháng tù về Tội đánh bạc, và 15 tháng về Tội gá bạc. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Lương Văn M phải chấp hành 23 tháng tù, được trừ 03 ngày tạm giữ, bị cáo M còn phải chấp hành 22 tháng 27 ngày tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức A: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức A 09 tháng tù, được trừ 03 ngày tạm giữ, bị cáo A còn phải chấp hành 08 tháng 27 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321, Điều 17, điểm i và s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 12 tháng tù, được trừ 03 ngày tạm giữ, bị cáo T còn phải chấp hành 11 tháng 27 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21/11/2018, bị cáo T kháng cáo đề nghị được hưởng án treo.

Ngày 28/11/2018, bị cáo M kháng cáo đề nghị được hưởng án treo.

Ngày 30/11/2018, bị cáo A kháng cáo đề nghị được hưởng án treo.

Ngày 13/02/2019, bị cáo A có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức A.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị cáo M mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

- Bị cáo T thừa nhận hành vi của bản thân như bản án sơ thẩm mô tả là đúng, nhất trí với tội danh Đánh bạc, chỉ kháng cáo đề nghị được hưởng án treo.

Bị cáo trình bày đã tự nguyện nộp trước án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung.

- VKSND tỉnh phát biểu:

+ Từ khi thụ lý, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

+ Xét kháng cáo của bị cáo M thì thấy bị cáo M cùng lúc phạm 02 tội là Đánh bạc và Gá bạc, chỉ được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 23 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo M không cung cấp được tình tiết mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

+ Đối với bị cáo T thì thấy tuy bị cáo T dùng nhiều tiền để đánh bạc nhưng tham gia sau cùng, tính chất hành vi giản đơn, đã được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS nên mức hình phạt cấp phúc thẩm đã quyết định là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo tự nguyện nộp trước án phí hình sự và tiền phạt nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 333 BLTTHS nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, tại cấp sơ thẩm cùng những chứng cứ và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 26/4/2018, Lương Văn M đã dùng nhà ở của mình tại thôn X, xã T, huyện M cho Nguyễn Đức A, Trần Văn N, Trần Văn T, Nguyễn Văn C, Bùi Văn B và Nguyễn Lý H đánh bạc trái phép bằng hình thức *xóc đĩa* được thua bằng tiền, bị cáo M còn tham gia đánh bạc trái phép cùng các bị cáo khác. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 22.100.000 đồng. Đến hồi 23 giờ cùng ngày, bị Tổ công tác thuộc Công an huyện M phối hợp với Công an xã T bắt quả tang, thu giữ cùng vật chứng.

Hành vi đó của các bị cáo đã bị TAND huyện M xét xử về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 và tội Gá bạc theo điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS đối với riêng bị cáo M là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo M thì thấy: Bị cáo M phạm hai tội là tội Đánh bạc và Gá bạc, trong vụ án đồng phạm này bị cáo có hành vi tích cực nhất nên được đánh giá giữ vai trò đầu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51

BLHS. Cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi, áp dụng tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo M 08 tháng tù về tội Đánh bạc, 15 tháng tù về tội Gá bạc là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, y án sơ thẩm đối với bị cáo M.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo T thì thấy: Vào ngày 26/4/2018, bị cáo T tham gia đánh bạc sau cùng nên xác định bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra thành khẩn khai báo nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS nên cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 12 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo T đã tự nguyện thi hành trước 10.200.000đ hình phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải của bị cáo nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Như vậy bị cáo được hưởng 3 tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2019 của Hội đồng Thẩm phán – Tòa án nhân dân tối cao nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do chấp nhận kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo T nên bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo M kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Văn M; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 117/2018/HS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M phần quyết định đối với bị cáo Lương Văn M.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm c khoản 1 Điều 322, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Lương Văn M **08 (Tám)** tháng tù về tội "Đánh bạc", và **15 (Mười lăm)** tháng về tội "Gá bạc". Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Lương Văn M phải chấp hành **23 (Hai mươi ba)** tháng tù, được trừ 03 ngày tạm giữ, bị cáo M còn phải chấp hành **22 (Hai mươi hai)** tháng **27 (Hai mươi bảy)** ngày tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, sửa một phần bản án sơ thẩm số 117/2018/HS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M phần quyết định đối với bị cáo T.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321, Điều 17, điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Trần Văn T **12 (Mười hai)**

tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là **24** (*Hai mươi bốn*) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/02/2019.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Ghi nhận bị cáo Trần Văn T đã nộp 10.200.000đ (Mười triệu hai trăm nghìn đồng) tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M theo biên lai số AA/2011/06509 ngày 28/12/2018.

3. Về án phí: Bị cáo Lương Văn M phải chịu **200.000đ** (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Trần Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 25/02/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện M (2 bản);
- VKSND huyện M;
- CQCSĐT, CQTHAHS - Công an huyện M;
- THADS huyện M;
- UBND xã C, huyện huyện K;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Đăng Huy

